

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC

TUY PHONG

Số: 450 / TTYT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Liên Hương, ngày 11 tháng 9 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trung tâm Y tế khu vực Tuy Phong gửi tới các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế tại Việt Nam lời chào trân trọng.

Hiện nay, trung tâm Y tế khu vực Tuy Phong có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm y tế khu vực Tuy Phong
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Võ Duy Tú (0933654610) – Phòng KHNV.
3. Cách thức tiếp nhận báo giá:
Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng KHNV – Trung tâm Y tế khu vực Tuy Phong
Nhận qua mail: bvtp.phongnghiepvu@gmail.com
4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8h ngày 12 tháng 9 năm 2025 đến trước 17h ngày 16 tháng 9 năm 2025.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 12 tháng 9 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục thiết bị y tế chi tiết đính kèm theo thư mời chào giá
2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt bảo quản thiết bị y tế: Mô tả cụ thể tại Trung tâm Y tế khu vực Tuy Phong – Đường Hải Thượng Lãn Ông, xã Liên Hương, tỉnh Lâm Đồng.
3. Thời gian giao hàng dự kiến: 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng : Thanh toán 100% sau khi hoàn thành
5. Các thông tin khác (nếu có):

(Đính kèm bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế; các yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt bảo quản thiết bị y tế; thời gian giao hàng dự kiến và các thông tin liên quan khác).

Trân Trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NV.



GIÁM ĐỐC

Lý Đức Trung



PHỤ LỤC CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT TRANG THIẾT BỊ

(kèm theo yêu cầu báo giá số 450/YCBG – TTYT ngày 11/9/2025 của Trung tâm Y tế khu vực Tuy Phong)

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
01	Máy xét nghiệm Huyết học	Năm sản xuất: 2024 trở về sau Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001 CẤU HÌNH CUNG CẤP - Máy chính: 01 máy - Máy in (mua tại Việt Nam): 01 máy - Bộ hoá chất kèm theo: 01 bộ - Bộ hướng dẫn sử dụng: 01 bộ TÍNH NĂNG KỸ THUẬT - Công nghệ đếm trở kháng đầu dò tiên tiến (TIC – Transducer Impedance Counting) + Tự động làm sạch đầu dò trong và ngoài + Xi lanh định lượng độ chính xác cao + Hệ thống làm ấm dung dịch pha loãng (diluent) trước khi chạy mỗi xét nghiệm	Máy	02

		+ Khẩu độ ruby 68 μm và 100 μm - Đặc điểm thiết kế + Màn hình cảm ứng màu LCD 10.4" + Đèn báo trạng thái hoạt động + Kết nối chuột & bàn phím qua cổng USB + Ngăn chứa dung dịch lyse bên trong - Bảo trì dễ dàng & tối thiểu + Chức năng tự kiểm tra đặc biệt trong quá trình khởi động + Tự động loại bỏ tắc nghẽn + Thông báo lỗi - Chức năng phần mềm hoàn hảo + Giao diện thân thiện, biểu tượng minh họa trực quan + Lưu trữ dữ liệu lên tới 1.000.000 kết quả kèm biểu đồ histogram + Các phương pháp QC: L-J, X, X-R và X-B + Kết nối LIS & HIS với giao thức HL7 THÔNG SỐ KỸ THUẬT - Hiệu suất xử lý: Tốc độ: 72 mẫu/giờ - Nguyên lý & Công nghệ		
--	--	--	--	--

		+ WBC/RBC/PLT: Công nghệ TIC (Trở kháng điện – Electrical Impedance) + HGB: Quang phổ kế điện quang (Photoelectric colorimetry) – sử dụng thuốc thử không chứa cyanide - Thông số đo lường: 24 thông số + 3 biểu đồ histogram: WBC, LYM#, MID#, GRAN#, LYM%, MID%, GRAN%, RBC, HGB, HCT, MCV, MCH, MCHC, RDW-CV, RDW-SD, PLT, MPV, PCT, PDW-SD, PDW-CV, P-LCR, P-LCC, NLR, PLR - Chế độ lấy mẫu: Ống hở (Open vial sampling) - Máu toàn phần: 8,5 µl - Máu đã pha loãng: 20 µl - Lưu trữ dữ liệu: Tối đa 1.000.000 kết quả kèm biểu đồ histogram - Kiểm soát & Hiệu chuẩn: 4 chế độ QC: L-J, X, X-R, X-B - Hiệu chuẩn: thủ công & tự động - Tỷ lệ pha loãng + WBC/HGB: Máu toàn phần (1:232), Máu mao mạch (1:400) + RBC/PLT: Máu toàn phần (1:40.000), Máu mao mạch (1:45.000) - Đường kính khẩu độ đo + WBC: 100 µm + RBC/PLT: 68 µm		
--	--	---	--	--

		- Kết nối & Giao diện: Máy in ngoài: kết nối qua USB host - Thiết bị hỗ trợ: chuột, bàn phím, máy in, đầu đọc mã vạch & USB flash - LIS & HIS: hỗ trợ giao thức HL7 - Thuốc thử sử dụng: D35 Diluent – 20 L, L35 Lyse – 500 mL - Đặc tính vật lý + Màn hình: LCD cảm ứng màu 10.4" (độ phân giải 800×600) + Kích thước (CxRxS): 395 × 305 × 380 mm + Trọng lượng: 18 kg + Máy in tích hợp: in nhiệt (thermal printer) - Độ chính xác: + WBC: $3.5 \times 10^9/L \sim 9.5 \times 10^9/L$ + RBC: $3.8 \times 10^{12}/L \sim 5.8 \times 10^{12}/L$ + HGB: 115g/L ~ 175g/L + MCV: 80fL ~ 100fL + HCT: 35% ~ 50% + PLT: $125 \times 10^9/L \sim 350 \times 10^9/L$ - Độ chính xác lặp lại của phép đo:		
--	--	---	--	--

		+ WBC $3.5 \times 10^9/L \sim 6.9 \times 10^9/L$ ($7.0 \times 10^9/L \sim 15.0 \times 10^9/L$) + RBC $3.0 \times 10^{12}/L \sim 6.0 \times 10^{12}/L$ + HGB $100g/L \sim 180g/L$ + MCV: $76fL \sim 110fL$ + HCT: $35\% \sim 50\%$ + PLT $100 \times 10^9/L \sim 149 \times 10^9/L$ ($150 \times 10^9/L \sim 500 \times 10^9/L$) - Độ tuyến tính: + WBC: $0.0 \times 10^9/L \sim 10.0 \times 10^9/L$ hoặc $10.1 \times 10^9/L \sim 99.9 \times 10^9/L$ hoặc $100.0 \times 10^9/L \sim 300.0 \times 10^9/L$ + RBC: $0.0 \times 10^{12}/L \sim 1.0 \times 10^{12}/L$ hoặc $1.01 \times 10^{12}/L \sim 8.0 \times 10^{12}/L$ + HGB: $0g/L \sim 70g/L$ hoặc $71g/L \sim 280g/L$ + HCT: $0\% \sim 35\%$ hoặc $35\% \sim 67\%$ + PLT: $0.0 \times 10^9/L \sim 100 \times 10^9/L$ hoặc $101 \times 10^9/L \sim 999 \times 10^9/L$ hoặc $1000 \times 10^9/L \sim 4000 \times 10^9/L$ Điều kiện hoạt động: + Nhiệt độ bảo quản: -10 đến $50\text{ }^{\circ}\text{C}$ + Nhiệt độ làm việc: 18 đến $32\text{ }^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm tương đối: tối đa 80% ở $32\text{ }^{\circ}\text{C}$ + Nguồn điện: AC $100\text{--}240V$, $50/60\text{ Hz}$, 180 VA		
--	--	--	--	--

02	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Năm sản xuất: 2024 trở về sau Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001 CẤU HÌNH CUNG CẤP - Máy chính: 01 Máy - Hệ thống máy tính điều khiển (Hàng thông dụng tại Việt Nam): 01 Hệ thống - Máy in laser (Hàng thông dụng tại Việt Nam): 01 Cái - Sách hướng dẫn sử dụng tiếng Anh: 01 Quyển - Bảng hướng dẫn sử dụng nhanh Tiếng Việt: 01 Bảng - Bộ lọc nước RO (Hàng thông dụng tại Việt Nam): 01 Bộ - Bộ hóa chất ban đầu (SGOT, SGPT, Glucose): 01 bộ - Bộ linh kiện kèm theo: 01 bộ TÍNH NĂNG KỸ THUẬT - Đầu dò có khả năng phát hiện mức chất lỏng kỹ thuật số và bảo vệ va chạm dọc - Máy phân tích có thiết bị khử khí đặc biệt để bỏ không khí hòa tan trong ống để lấy mẫu chính xác - Ống tiêm được làm bằng piston gốm có độ chính xác cao, tuổi thọ cao, đảm bảo bảo trì tối thiểu - Đầu dò mài bóng 60nm với công nghệ phủ nano.	02	Hệ thống
----	----------------------------------	--	----	----------

		- Bồn khí điều nhiệt độ để đảm bảo nhiệt độ $37 \pm 0.1^{\circ}\text{C}$ THÔNG SỐ KỸ THUẬT <i>Chức năng hệ thống</i> - Tổng quan: Truy cập hoàn toàn tự động, riêng lẻ, ngẫu nhiên - Nguyên tắc đo: Đo quang phổ - Công suất: ≥ 240 Test/ giờ - Quang trắc: Phép đo quang phổ phía sau HCFG - Bộ đơn sắc với cách tử trường phẳng lõm ba chiều (HCFG), công nghệ đo quang phổ 12 hướng song song phía sau, loại bỏ sự giao thoa ánh sáng xung quanh để có được kết quả chính xác. - Phương pháp phân tích: Điểm cuối (End point), thời gian cố định (Fixed time), động học (Kinetic), hóa chất thuốc thử đơn/ kép (Single & Dual reagent chemistries), hiệu chuẩn đa điểm đơn sắc/ lưỡng sắc/ không tuyến tính (Mono & Bi chromatic, Linear & non-linear multipoint calibration) <i>Hệ thống quang học</i> - Nguồn sáng: đèn halogen – Tungsten (12V/ 20W) - Bộ đơn sắc: Cách tử trắc quang (Cách tử trường phẳng lõm 3 chiều) - Bước sóng: 340nm, 380nm, 405nm, 450nm, 480nm, 505nm, 546nm, 570nm, 600nm, 660nm, 700nm, 750 hoặc 800nm		
--	--	--	--	--

		- Dải tuyến tính: 0 - 3.3Abs - Đầu dò: Diode quang Xử lý thuốc thử/mẫu - Khay thuốc thử/mẫu: Khay mẫu và khay thuốc thử đa chức năng - Vị trí thuốc thử/ mẫu: 80 vị trí - Thông số cuvette mẫu: ống tiêu chuẩn (standard cup), ống máu (original blood tube), ống đa thông số (10~13) x (75~100) mm (multi-specification tube (10~13) x (75~100) mm) - Kim hút mẫu/ hoá chất: Phát hiện mực chất lỏng và bảo vệ chống va chạm theo chiều dọc - Pha loãng mẫu: Pha loãng trước và sau - Thể tích thuốc thử: 10 µl đến 300 µl - Thể tích mẫu thử: 2 µl đến 35µl - Thể tích lọ hoá chất: 20 & 70ml Hệ thống phản ứng - Cuvette phản ứng: 56 vị trí nhựa quang học - Thể tích phản ứng: 100µl đến 360µl - Nhiệt độ phản ứng: 37±0.1°C - Nhiệt độ không đổi của đĩa (mâm) phản ứng: Bể điều nhiệt (Điều		
--	--	---	--	--

		chỉnh nhiệt độ bằng khí) - Hệ thống trộn: Trên que khuấy được phủ Teflon giúp tránh chất lỏng lơ lửng, tránh nhiễm chéo với cơ chế trộn 3 tốc độ - Đầu kim được mài bóng 60nm với công nghệ phủ nano. - Hệ thống rửa: Áp dụng hiệu quả 7 điểm dừng 11 bước - Có thiết bị đặc biệt giúp khử khí để loại bỏ không khí hoà tan trong đường ống để tính toán chính xác Hệ điều hành - Hệ điều hành PC: Windows 7 hoặc Windows 10 - Hệ thống PC: CPU > 2.9 Ghz (bộ xử lý lõi kép), RAM > 4GB; Ổ đĩa cứng ≥ 160GB - Giao diện: Kết nối mạng TCP/IP, chuẩn RJ45 Hiệu chuẩn và QC (Calibration & Quality Control) - Phương pháp hiệu chuẩn: Phương pháp tuyến tính 1 điểm, phương pháp tuyến tính 2 điểm, phương pháp tuyến tính nhiều điểm, Logit-Log 4P, Logit-Log 5P, Spline, hàm mũ, đa thức - Phương pháp QC: biểu đồ thời gian thực, hằng ngày, hằng tháng, đánh giá QC trực quan, kiểm tra lịch sử QC, phân tích lỗi QC - Quy tắc điều khiển parabol: Westgard đa quy tắc, Biểu đồ L-J Điều kiện làm việc		
--	--	--	--	--

		- Nguồn cung cấp: 100 ~ 240 VAC 50 / 60Hz Công suất 600VA - Nhiệt độ môi trường: 15~25°C - Độ ẩm tương đối: 40% - 85% - Lượng nước tiêu thụ: ≤ 4L/giờ - Kích thước: 744x703x530mm (LxWxH) - Khối lượng: ~ 100 Kg		
03	Máy xét nghiệm nước tiểu	Năm sản xuất: 2024 trở về sau Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001 CẤU HÌNH CUNG CẤP - Máy chính: 01 máy - Bộ linh kiện kèm theo: 01 bộ - Bộ hướng dẫn sử dụng: 01 bộ - Hộp nước tiểu sử dụng ban đầu: 01 hộp TÍNH NĂNG KỸ THUẬT: - Cải thiện độ nhạy, độ đặc hiệu và độ chính xác. - Giám ánh sáng nhiều từ bên ngoài. - Nguồn sáng lạnh có độ sáng cao và tiên tiến với 3 bước sóng - Người sử dụng có thể tự gắn cờ cho các bất thường	02	Máy

		- 3 loại đơn vị tính khác nhau (bình thường, truyền thống và quốc tế) THÔNG SỐ KỸ THUẬT - Nguyên tắc đo: So màu quang điện - Nguồn sáng: LED (Nguồn sáng lạnh) - Bước sóng: 470, 525, 625nm - Thông số đo: ≥ 11 thông số đo: Bilirubin, Nitrite, Blood, pH, Glucose, Protein, Ketone, Specific Gravity, Leucocytes, Urobilinogen, ... - Công suất: ≥ 120 mẫu/ giờ - Lưu kết quả: ≥ 10.000 kết quả - Máy in nhiệt tích hợp bên trong - Giao diện: cổng RS232, cổng USB - Màn hình: 192 x 64 điểm ảnh LCD - Nguồn điện: 100-240 VAC, 50Hz/60Hz - Năng lượng: 30VA - Kích thước: 253mm X 237mm X 171mm (D x R x C) - Trọng lượng: 3.8 Kg Điều kiện hoạt động - Nhiệt độ hoạt động: 10°C-30°C		
--	--	---	--	--

		- Độ ẩm tương đối: $\leq 70\%$ - Môi trường hoạt động: Mặt bàn nằm ngang ổn định, tiếp đất tốt, tránh nguồn sáng mạnh trực tiếp và nguồn nhiễu điện từ mạnh, v.v. - Nguồn hoạt động: Nguồn điện đầu vào rộng AC100-240V 50/60Hz $\pm 1\text{Hz}$ - Cầu chì: $\phi 5\text{mm} \times 20\text{mm}$, T2A/250V - Công suất đầu vào: 30VA		
--	--	---	--	--

